TOÀ ÁN ND HUYỆN Y T	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST

Ngày 06-11-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đôn;

2.Ông Đỗ Ngọc Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa :*** Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 80/2018/TLST - DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1956 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn D, xã H G, huyện Y D, tỉnh Bắc Giang.

Ủy quyền cho bà Phạm Thị T, sinh năm: 1966 đại diện, văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 8 năm 2018 (Bà T có mặt).

Địa chỉ: Bản Đ G, xã X L, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

Các đồng bị đơn:

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1983 (Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Th L, sinh năm: 1988 (Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã H G, huyện Y D, tỉnh Bắc Giang.

Ủy quyền cho bà Phạm Thị T, sinh năm: 1966 đại diện, văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 10 năm 2018 (Bà T có mặt).

Địa chỉ: Bản Đ G, xã X L, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2018, bản tự khai ngày 24 tháng 9 năm 2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H do bà Phạm Thị T đại diện trình bày: Ngày 19 tháng 10 năm 2017 ông Nguyễn Văn H cho anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Th L vay số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng), hạn thanh toán đến ngày 19 tháng 11 năm 2017. Ngày 18 tháng 12 năm 2017 ông H cho anh L vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán 01 tháng anh L phải trả tiền cho ông H. Ngày 26 tháng 01 năm 2018 ông H cho anh L chị L vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), hạn thanh toán đến ngày 26 tháng 02 năm 2018. Ngày 04 tháng 02 năm 2018 âm lịch tức ngày 20/3/2018 dương lịch ông H cho anh L chị L vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán đến ngày 20 tháng 02 năm 2018 âm lịch tức ngày 05/4/2018 dương lịch. Ngày 16 tháng 8 năm 2018 ông H cho anh L, chị L vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hạn thanh toán 10 ngày kể từ ngày vay, tức ngày 26 tháng 8 năm 2018 anh L phải trả tiền cho ông H. Tất cả các khoản tiền ông H cho anh L vay đều là cho vay không lãi suất. Đến hạn thanh toán anh L khất nợ nhiều lần mà không thanh toán trả nợ ông H. Ông H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Th L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bẩy mươi triệu đồng) tiền gốc, không yêu cầu anh L, chị L chịu lãi.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2018 anh Nguyễn Văn L trình bày: Do có quan hệ quen biết với bà Phạm Thị T nên anh có nhiều lần vay Tiền bà T, cụ thể: Ngày 19 tháng 10 năm 2017 anh vay số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng; ngày 18 tháng 12 năm 2017 anh vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 2.000đ (Hai nghìn đồng)/ 1.000.000đ/ 1 ngày, không thỏa Tận thời hạn thanh toán, đến tháng 9 năm 2018 bà T đã yêu cầu anh trả tiền nhưng anh chưa có tiền trả cho bà T, anh đã trả lãi đến tháng 8 năm 2018 số tiền 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng). Ngày 26 tháng 01 năm 2018 anh vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn đến ngày 26 tháng 02 năm 2018, lãi suất 2.000đ

(Hai nghìn đồng)/ 1.000.000đ/ 1 ngày, anh đã trả lãi đến tháng 8 năm 2018 số tiền 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng), khi vay tiền chị L có đi cùng và cùng anh ký tại mục người vay trong giấy vay tiền. Ngày 04 tháng 02 năm 2018 anh vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hạn thanh toán ngày 20 tháng 02 năm 2018, lãi suất 2.000đ (Hai nghìn đồng)/ 1.000.000đ/1 ngày, anh đã trả lãi đến tháng 8 năm 2018 số tiền 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng). Ngày 16 tháng 8 năm 2018 anh vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 2.000đ (Hai nghìn đồng)/ 1.000.000đ/ 1 ngày, anh đã trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền lãi. Các lần anh trả tiền lãi anh đều đưa trực tiếp cho chị T nên anh không có tài liệu chứng minh, số tiền lãi anh đã trả anh không có yêu cầu giải quyết. Số tiền anh vay bà T anh đều sử dụng vào mục đích kinh doanh cá nhân, không sử dụng vào việc phát triển kinh tế chung của gia đình. chị L có ký nhận khoản vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) ngày 26 tháng 02 năm 2018 nhưng chị L không được sử dụng số tiền vay. Vợ chồng anh có chế độ tài sản riêng, lương của ai người ấy chi tiêu riêng. Tất cả các món vay trên anh đều giao dịch trực tiếp với bà T nhưng chị T yêu cầu lấy tên của ông H là người cho vay nên anh đồng ý. Đến tháng 9 năm 2018 bà T đòi tiền nhưng anh chưa có tiền trả. Ông H khởi kiện anh đồng ý trả ông H số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bẩy mươi triệu đồng) tiền gốc, chị L không liên quan đến số tiền anh vay nên không có trách nhiệm trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 10 năm 2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Th L trình bày: Chị là vợ anh Nguyễn Văn L, vào ngày 26 tháng 01 năm 2018 anh L đưa chị lên nhà bà T tại bản Đ G, xã X L vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), anh L là người viết giấy vay tiền, chị ký tại phần người vay tiền. Sau khi ký xong giấy vay tiền anh L là người nhận tiền nhưng chị không biết anh L sử dụng số tiền vay vào mục đích gì, anh L không sử dụng số tiền vay vào việc phát triển kinh tế chung của gia đình, chị không được sử dụng số tiền này. Đối với khoản vay ngày 19 tháng 10 năm 2017 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), khoản vay ngày 18 tháng 12 năm 2017 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), khoản vay ngày 04 tháng 02 năm 2018 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), khoản vay ngày 16 tháng 8 năm 2018 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) chị không được biết và không được sử dụng số tiền anh L vay, anh L không sử dụng số tiền vay vào mục đích phát triển kinh tế chung của gia đình. Ông H khởi kiện yêu cầu chị và anh L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H 370.000.000đ (Ba trăm bẩy mươi triệu đồng) chị

không đồng ý vì chị không được sử dụng số tiền anh L vay, vào thời điểm anh L vay tiền vợ chồng chị đều là giáo viên, duy trì chế độ tài sản riêng, lương của ai người ấy tiêu.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 9 năm 2018 bà Phạm Thị H do bà Phạm Thị T đại diện trình bày: Bà H là vợ ông Nguyễn Văn H, việc ông H cho anh L, chị L vay tiền bà H có được biết, số tiền ông H cho anh L, chị L vay 370.000.000đ (ba trăm bẩy mươi triệu đồng) là tài sản chung của vợ chồng bà. Nay bà H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu anh L, chị L phải trả cho ông H số tiền 370.000.000đ (ba trăm bẩy mươi triệu đồng) tiền gốc, bà H không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H do bà Phạm Thị T đại diện không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu kiện. Anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Th L vắng mặt. Các đương sự không thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T phát biểu ý kiến, đề nghị:

Áp dụng Điều 288, Điều 290, Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn H buộc anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Th L phải liên đới trả nợ ông Nguyễn Văn H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vay ngày 26/01/2018, cụ thể anh L phải trả 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) chị L phải trả 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); buộc anh Nguyễn Văn L phải trả nợ ông Nguyễn Văn H 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

- Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Th L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn T L vắng mặt đã có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ ngày 19/10/2017 đến ngày 16/7/2018, anh Nguyễn Văn L có nhiều lần vay tiền của ông Nguyễn Văn H, cụ thể như sau:

- Ngày 19 tháng 10 năm 2017 vay số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng), hạn thanh toán 01 tháng;

- Ngày 18 tháng 12 năm 2017 vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán 01 tháng;

- Ngày 26 tháng 01 năm 2018 vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), hạn thanh toán 01 tháng;

- Ngày 20/3/2018 vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn đến ngày 05/4/2018;

- Ngày 16 tháng 8 năm 2018 vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hạn thanh toán 10 ngày.

Đến hạn thanh toán, anh L không trả nợ theo nội dung các bên đã thỏa Tận, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang giải quyết, buộc anh L, chị L thanh toán trả nợ. Anh L khai anh vay tiền của bà Vũ Thị T, tuy nhiên anh L không đưa ra được căn cứ chứng minh anh vay tiền của chị T, căn cứ vào việc thừa nhận của anh L, đồng ý trả nợ cho ông H tại bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2018 và giấy vay tiền ghi các ngày 19/10/2017, 18/12/2017, 26/01/2018, 4/2/2018, 16/7/2018 (Bút lục số 29,37,38,39,40,41) có căn cứ để xác định anh L vay tiền của ông H là sự thật. Anh L và chị L cùng khẳng định các khoản tiền vay anh L đều sử dụng vào mục đích cá nhân, anh tự chịu trách nhiệm thanh toán. Ông H yêu cầu anh L và chị L cùng có trách nhiệm thanh toán.

[3] Xét yêu cầu của ông H và ý kiến của anh L, chị L, Hội đồng xét xử thấy: Số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vay ngày 26 tháng 01 năm 2018 đã thể hiện rõ người vay tiền là anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Th L, có chữ ký của anh L, chị L ở mục người vay tiền, do vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc anh L, chị L cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông H khoản tiền vay ngày 26/01/2018 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 290 Bộ luật dân sự và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Đối với các khoản vay ngày 19 tháng 10 năm 2017 số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng), ngày 18 tháng 12 năm 2017 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), ngày 04 tháng 02 năm 2018 âm lịch số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ngày 16 tháng 7 năm 2018 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) chị L không thừa nhận là nợ chung, ông H cũng không chứng minh được anh L vay tiền sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng nên không có căn cứ để

buộc chị L phải liên đới trả nợ cùng anh L mà cần chấp nhận ý kiến của anh L, buộc anh L trả nợ cho ông H số tiền còn lại.

[5] Về lãi suất: Ông H khẳng định đây là các khoản vay không có lãi, anh L khẳng định đây là các khoản vay có lãi, anh L đã thanh toán số tiền lãi 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) nhưng anh L không có tài liệu chứng minh. Căn cứ vào chứng cứ là các giấy vay tiền ghi ngày 19/10/2017, 18/12/2017, 26/01/2018, 4/2/2018,16/7/2018 (Bút lục số 37,38,39,40,41) đều thể hiện rõ các khoản vay đều không có lãi do vậy không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của anh L về lãi suất.

[6] Về án phí: Yêu cầu của ông Nguyễn VănH được chấp nhận nên ông H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Tỳ L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông H được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 138, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều Điều 288, Điều 290, 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Buộc anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Th L phải liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Văn H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) khoản vay ngày 26/01/ 2018. Cụ thể anh L phải trả 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), chị L phải trả 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn L phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 17.250.000đ (Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Nguyễn Th L phải chịu 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn H 9.250.000đ (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nôp thay ông H ghi tại biên lai số

AA/2016/0002023 ngày 14 tháng 9 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y T, tỉnh Bắc Giang T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y T;
- Chi cục THADS huyện Y T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo